

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
DAI-ICHI LIFE VIETNAM FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

Năm 2018

Year 2018

(Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Appendix 4 as promulgated with Circular No.155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the information disclosure on securities markets)

I. Thông tin chung / General information

1. Thông tin khái quát / General information

- Tên giao dịch / Trading name:	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") / Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited ("The Company")
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số / Certificate of business registration No:	53/GP-UBCK
- Vốn điều lệ / Charter capital:	VND 25.000.000.000
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu / Owner's capital:	VND 25.000.000.000
- Chủ sở hữu / Owner:	Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam / Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam, Ltd.
- Địa chỉ / Address:	Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM / Floor 11 th , 149-151 Nguyen Van Troi, Ward 11, Phu Nhuan district, HCM City
- Số điện thoại / Telephone:	(028) 3810 0888
- Số fax / Fax:	(028) 3844 9835
- Website:	http://dfvn.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển / Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay) / Foundation and development process (date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).
- Ngày 10/02/2014: Công ty được cấp giấy phép thành lập bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh bao gồm: (i) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; (ii) Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và (iii) Tư vấn đầu tư chứng khoán.
On 10th February 2014, the Company License is issued by State Securities Commission with business sectors including: (i) Securities investment fund management; (ii) Securities portfolio



for

management and (iii) Securities investment advisory.

- Ngày 30/12/2014: Công ty nhận được Thông báo xác lập thành lập Quỹ thành viên, tên là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Dai-ichi Life Việt Nam. Tuy nhiên, Quỹ đã kết thúc thời hạn hoạt động ba (03) năm và hoàn tất việc giải thể Quỹ vào ngày 28/03/2018.

On 30th December 2014, the Company obtained Notification of establishment Equity member fund, namedly Dai-ichi Life Vietnam Equity Member Fund. However, the Fund terminated the operational term of three (03) years and completed the dissolution on 28th March 2018.

- Ngày 16/10/2018: Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán (loại hình quỹ mở) ra công chúng cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN.

On 16th October 2018, the Company has been issued, by Safe Securities Commission, Certificate of Initial Public Offering of open-ended fund for DFVN Capital Appreciation Fund.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh / Lines and locations of the business:

- **Ngành nghề kinh doanh / Lines of the business** (Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất / Specify major lines of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years):
 - Nghiệp vụ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán / Securities portfolio management;
 - Nghiệp vụ Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán / Securities investment fund management
- **Địa bàn kinh doanh / Location of business** (Nếu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất / Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years):
 - Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu ở thành phố Hồ Chí Minh / The Company has business location mainly in Ho Chi Minh city.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý / Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- **Mô hình quản trị / Governance model**

- (a) Hội đồng Thành viên / Member's Council;
- (b) Kiểm soát viên / Inspector;
- (c) Tổng giám đốc điều hành / Chief Executive Officer;

- **Cơ cấu bộ máy quản lý / Management structure**

- (a) Hội đồng Thành viên / Member's Council;
- (b) Kiểm soát viên / Inspector;
- (c) Tổng Giám đốc điều hành / Chief Executive Officer;
- (d) Các phòng ban bao gồm: (i) Đầu tư; (ii) Kiểm soát Nội bộ; (iii) Nghiệp vụ; (iv) Phát triển kinh doanh và (v) Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro / The divisions include: (i) Investment; (ii) Internal Control; (iii) Operations; (iv) Business Development and (v) Corporate Planning and Risk Management.

- **Các công ty con, công ty liên kết / Subsidiaries, associated companies**

- Công ty hiện không có công ty con, công ty liên kết / The Company currently does not have any subsidiaries, associated companies.

4. Định hướng phát triển / *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / *Main objectives of the Company*

- Trở thành Công ty Quản lý Quỹ thuộc nhóm dẫn đầu về uy tín và hiệu quả đầu tư mang lại cho khách hàng; không ngừng phát triển và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, môi trường làm việc chuyên nghiệp, chính sách quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng.

To become a Fund Management Company in the leading group which brings customers prestige and investment efficiency; continuously develop and improve the organizational structure, professional working environment, risk management policy in accordance with international standards in order to meet the customer needs which are increasing and diverse.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn / *Development strategies in medium and long term*

- Duy trì kết quả đầu tư vượt trội / *Maintain outstanding investment results*

Công ty đang được ủy thác quản lý tài sản từ Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, bao gồm các Quỹ liên kết đơn vị thuộc Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết đầu tư. Hiện tại, Công ty đã được cấp phép để quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN loại hình Quỹ mở nhằm mang đến cho nhà đầu tư, đặc biệt là các khách hàng cá nhân trong nước cơ hội đầu tư sinh lời trên Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam. Trong năm 2018 danh mục của khách hàng tổ chức, các quỹ đầu tư do Công ty quản lý đều đạt hiệu quả đầu tư cao. Kế hoạch năm 2019, Công ty sẽ nỗ lực hơn nữa, tìm kiếm cơ hội để tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả đầu tư của tài sản ủy thác và quỹ đầu tư hiện có nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng và nhà đầu tư.

The Company manages the capital entrusted by Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam Limited, including Unit-link Fund of investment-linked investment product. Currently, the Company obtained the establishment license for DFVN Capital Appreciation Fund (Open-ended Fund) in order to bring investors, especially local investors, opportunities for profitable investment on Vietnam stock market. In 2018, portfolio of institutional customer and funds, which are managed by the Company, achieve high investment efficiency. As the plan for year 2019, the Company will make the more effort, look for investment opportunities in order to continuously maintain and enhance the investment efficiency of the asset under management, fund assets to adopt customer needs better and better.

- Chú trọng phát triển sản phẩm phục vụ khách hàng cá nhân trong nước / *Focus on developing products affordable for individual customers*

TTCK Việt Nam trong vài năm trở lại đây cho thấy sự phát triển mạnh và bền vững hơn, trở thành một trong những kênh đầu tư mang lại hiệu quả sinh lời tốt nhất. Tuy nhiên, thống kê cho thấy, tỷ trọng người dân Việt Nam tham gia và hưởng lợi từ những cơ hội đầu tư trên TTCK để tích lũy tài sản làm giàu cho tương lai là không nhiều. Nguyên nhân là do (1) Phần lớn trong số họ bị hạn chế về thời gian, kiến thức, kinh nghiệm và thông tin thị trường; (2) Một số khác lại có xu hướng tự đầu tư và sẵn sàng chấp nhận rủi ro trên mức hợp lý với hy vọng làm giàu nhanh chóng. Công ty sẽ nỗ lực không ngừng nhằm đưa ra thị trường các sản phẩm và dịch vụ (Quỹ mở, Quỹ Hưu trí tự nguyện...) chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đầu tư, tích lũy tài sản cho cuộc sống tương lai của rất nhiều người dân Việt Nam.

The Vietnam stock market in recent years has shown a stronger, sustainable development and becomes one of the best investment channels with the high investment insufficiency. However, the statistic has shown that the proportion of Vietnamese people participating in and benefiting from stock market to accumulate the capital for future enrichment is not large. The reason is that (1) most of them are limited to time, knowledge, experience and market information; (2) Others tend

to invest on their own and are willing to take risks over reasonable basic to get rich quicker as their hope. The Company will endeavor to provide high-quality products and services (Open-ended fund, Voluntary pension fund...) to meet the demand for investment and asset accumulation for future life of many Vietnamese people.

Sau khi cho ra đời loại hình quỹ mở, Công ty cũng tiếp tục nghiên cứu về khuôn khổ pháp lý, điều kiện thị trường, mô hình kinh doanh và các bước chuẩn bị cho sự ra đời của Quỹ Hưu trí Bổ sung Tự nguyện phù hợp nhất với điều kiện Việt Nam.

After the open-ended fund has established, the Company continues to conduct the steps for researching about legal framework, market condition, business concept and the preparation for Additional voluntary pension fund which will be suitable for conditions in Vietnam.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / **Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community sustainability**

- Công ty luôn chú trọng tinh thần trách nhiệm cộng đồng trong việc định hướng phát triển hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho khách hàng, nhà đầu tư và các bên liên quan.

The Company always focuses on community responsibilities in the orientation of business development in order to ensure the best benefits for customer, investor and other related parties.

5. Các rủi ro / Risks:

- Rủi ro thị trường / Market risk:

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của Công ty bị ảnh hưởng từ biến động về lãi suất và giá cổ phiếu; có thể do tình hình thị trường, thay đổi về chính sách kinh tế vĩ mô, pháp lý mang lại.

Để giảm thiểu các rủi ro này, Công ty phải đảm bảo duy trì công tác quản trị rủi ro mang tính phối hợp chặt chẽ từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý.

Revenue from the operation of portfolio management, fund management will be impacted by the fluctuation of interest and stock price; due to market condition, changes in economics macro policy, legal regulations.

In order to mitigate these risks, the Company needs to ensure that risk management job, which is conducted with discipline consistency and close collaboration, are maintained throughout the organization's operational procedure; from market monitoring, evaluation and forecast, investment strategy, to limitation, warning systems and treatment processes.

- Rủi ro hoạt động / Operation risk

Do số lượng nhân viên làm việc tại Công ty không nhiều, và mỗi nhân sự làm việc đóng vai trò chủ chốt trong mảng công việc tác nghiệp nên Công ty cũng chịu ảnh hưởng của rủi ro nếu nhân viên nghỉ việc. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ban hành quy trình tác nghiệp cụ thể, chuẩn mực đến từng vị trí công tác để phục vụ cho huấn luyện, đào tạo nhân sự mới; và đồng thời Công ty cũng xây dựng, phát triển các chính sách đãi ngộ các nhân viên của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng chịu rủi ro do lỗi tác nghiệp gây ra trong quy trình quản lý danh mục đầu tư, quỹ đầu tư chứng khoán cho khách hàng.

Because the number of employees working at the Company is not large, and each employee is a key person in working positions; thus the Company is impacted by resignation from the employees.

In order to minimize this risk, the Company issues operational manual which needs to be detailed, standardized to each work position to help to train new recruited employees; and the Company shall establish, develop remuneration policy. Besides, the Company is impacted by error risk occurred in the process of portfolio management, fund management.

- **Rủi ro hệ thống / System risk**
Trong quá trình hoạt động của Công ty có thể xảy ra rủi ro do lỗi hệ thống, sự cố đe dọa sự an toàn, an ninh của hệ thống Công ty.
During the Company course, it perhaps occurs system errors, the incidents threatening the security, safety of the Company system.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2018 / Business operations of year 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh / Situation of production and business operations

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm / Results of business operations in the year.**
- **Đối với hoạt động quản lý danh mục đầu tư:** Trong năm 2018, doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư đạt 38.009 tỷ đồng chiếm 100% tổng doanh thu, tăng 29,24% so với năm 2017. Công ty phát triển doanh thu theo định hướng bền vững, doanh thu tăng trong khi vẫn đảm bảo an toàn và luôn kiểm soát được rủi ro. Trong năm 2018, Công ty tiếp tục hoàn thành việc tăng trưởng doanh thu trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư, kết quả là đã có sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2017.

For the operation of portfolio management: In 2018, the revenue from portfolio management operation reached 38,009 billion VND, accounted 100% of total revenue, increased 29.24% comparing to year 2017. The revenue is developed by the Company based on the sustainability orientation, this means that the revenue increases while securing the capital and controlling risks. In 2018, the Company continues to complete the mission of revenue development in portfolio management operation, and the result is that there is a considerable increase in revenue comparing to year 2017.

2. Tổ chức và nhân sự / Organization and Human resource

- **Danh sách Ban điều hành / List of the Board of Management**
- Ông Trần Châu Danh – Tổng Giám đốc điều hành / Mr. Tran Chau Danh – Chief Executive Officer;
- Ông Masato Fukui – Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro / Mr. Masato Fukui – Assistant Director, Head of Corporate Planning and Risk Management Division;
- Ông Đặng Vị Thanh – Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Kế hoạch Kinh doanh / Mr. Dang Vi Thanh – Assistant Director, Head of Business Development

- **Những thay đổi trong Ban điều hành / Changes in the Board of Management**

- Trong năm 2018, Công ty không có sự thay đổi trong Ban điều hành.
In year 2018, the Company does not have any changes on Board of Management.

- **Số lượng nhân viên trong Công ty tính đến cuối năm 2018 là 16 người.** Công ty luôn cố gắng xây dựng, phát triển chính sách nhân sự đảm bảo quyền lợi tốt hơn cho người lao động.
The number of the Company employees as of ending year 2018 is 16 persons. The Company always tries to establish, develop HR policies to ensure the better benefits for employees.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án / Investment activities, project implementation

- Năm 2018, Công ty đầu tư tài chính ngắn và dài hạn tại các Ngân hàng TMCP trong nước bằng VNĐ. Tổng số tiền đầu tư là 56,9 tỷ đồng. Hoạt động đầu tư của Công ty mang tính an toàn, mang lại nguồn vốn ổn định cho Công ty.

In 2018, the Company has the short and long-term financial investments at local Joint Stock Commercial Banks. The invested capital is 56,9 billion VND. The investment activities of the Company has the nature of safety and brings the stable income to the Company.

4. Tình hình tài chính / Financial situation

a) Tình hình tài chính / Financial situation

(Đơn vị tính / Unit: VND)

Chỉ tiêu / Financial Figure	Năm / Year 2017	Năm / Year 2018	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản / Total asset	60.359.844.625	77.046.253.953	27,64%
Nợ phải trả / Total Liability	5.040.586.348	6.743.439.184	33,78%
Doanh thu / Revenue	30.318.962.380	38.009.169.067	25,36%
Thuế và các khoản phải nộp / Taxes and payables	(3.205.030.656)	(3.787.919.562)	18,19%
Lợi nhuận trước thuế / Before tax profit	15.659.662.084	18.771.476.054	19,87%
Lợi nhuận sau thuế / After tax profit	12.454.631.428	14.983.556.492	20,31%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu / Major financial benchmarks

Chỉ tiêu / Financial Figure	Năm / Year 2017	Năm / Year 2018	Ghi chú / Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	5,80	10,99	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	8,35%	8,75%	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	9,11%	9,59%	
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	41,08%	39,42%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	22,51%	21,31%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	20,63%	19,45%	

4. Quy mô vốn / Capital scale			
Vốn điều lệ / Charter Capital	25.000.000.000	25.000.000.000	
Tổng tài sản có / Total assets	60.359.844.625	77.046.253.953	
5. Khả năng thanh khoản / Solvency			
Khả năng thanh toán ngay / Short term solvency	2,84	2,54	
Khả năng thanh toán chung / General solvency	2,68	2,38	

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty / Report related impact of the Company on the environment and society

5.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường / Compliance with the law on environmental protection:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường / Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment:

Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường / The Company was not fined for failing to comply with laws and regulations on environment.

5.2. Chính sách liên quan đến người lao động / Policies related to employees

a) Số lượng cán bộ, nhân viên trong công ty đến cuối năm 2018: 16 người / The number of Company employee: 16 persons.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động / Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.

- Công ty có chính sách về quyền lợi cho người lao động đảm bảo về môi trường làm việc an toàn, sức khỏe, phúc lợi và chính sách chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm tai nạn giúp người lao động luôn được bảo vệ trước những rủi ro trong công việc và cuộc sống.

The Company has the policies about the employee's benefits to assure the safety environment working, health, compensation and the policy of health care, accident insurance which helps the employees protected by unexpected risks in work and life.

c) Hoạt động đào tạo người lao động / Training employees

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên / The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.

- Công ty luôn khuyến khích người lao động học tập, phát triển bản thân và không giới hạn số lượng giờ đào tạo cho mỗi học viên. Công ty có chính sách hỗ trợ để người lao động có cơ hội được học tập nâng cao năng lực chuyên môn và phát triển bản thân.

The Company always encourages employees in learning, developing; the training hours are not limited to each trainee. The Company has the policy to support employees in learning opportunities to improve their professional capacity and develop.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp / The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.

- Công ty tạo điều kiện cho người lao động tham gia các khóa đào tạo trong lĩnh vực chuyên

ngành liên quan đến chứng khoán và quản lý quỹ. Ngoài ra, nhân viên trong Công ty luôn có cơ hội tham gia đào tạo nội bộ về năng lực và kỹ năng mềm.

The Company provides suitable conditions to attend training courses in the major of securities and fund management. In addition, the employees have opportunity to attend training courses of soft skill and capacity.

5.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on

responsibility for local community: Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng / *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Công ty hiện đang tham gia và đóng góp vào Quỹ Vì cuộc sống tươi đẹp. Đây là Quỹ từ thiện, xã hội phi lợi nhuận, hoạt động trên cơ sở tự nguyện, tự trang trải kinh phí nhằm phục vụ cho các mục đích hỗ trợ cộng đồng địa phương trong một số lĩnh vực giáo dục, sức khỏe y tế, môi trường và các hoạt động xã hội từ thiện khác nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

The Company currently participates and contributes in the For Better Life Foundation. This is a non-profit charitable, society fund which operates on a voluntary, self-funded basis to support the local community in number fields of education, health care, environment and other social charity activities in order to enhance the quality of life for people.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc / Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Công ty / *The Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company*)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh / Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây / *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results*

- Tổng doanh thu công ty năm 2018 đạt 38.009,1 tỷ đồng, tăng 25,36% so với doanh thu năm 2017. Trong đó, doanh thu trong cả 02 hoạt động quản lý danh mục đầu tư và quản lý quỹ đều tăng.

The Company revenue of year 2018 reaches 38,009.1 billion VND, increased 25.36% comparing to year 2017. Whereas, the revenue of the operation of portfolio and fund management increase.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được / *The Company's achievements*

- Kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động / *Effective control of operation expenses;*
- Tăng trưởng doanh thu / *Growth in revenue;*
- Định hướng phát triển bền vững / *Orientation for sustainable development.*

2. Tình hình tài chính / Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets:

- Tổng tài sản: Tính đến ngày 31/12/2018 là 77.046,2 tỷ đồng, tăng 27,64% so với năm 2017 / *The total asset: 77,046.2 billion VND as of 31st December 2018, increases 27.64% comparing to year 2017.*

- Tỷ số lợi nhuận trên tài sản (ROA) là 19,45% / *The Return on Asset (ROA) is 19.45%.*
- Vốn chủ sở hữu: 70.302,8 tỷ (tại ngày 31/12/2018), tăng 27,09% so với năm 2017 / *The shareholder capital is 70,302.8 billion VND (as of 31st December 2018), increased 27.09% comparing to year 2017.*
- Lợi nhuận sau thuế: 14.983,5 tỷ (tại ngày 31/12/2018), tăng 20,31% so với năm 2017 / *The profit after tax is 14,983.5 billion VND (as of 31st December 2018), increased 20.31% comparing to year 2017.*

b) Tình hình nợ phải trả / *Liabilities*

- Tổng nợ phải trả của công ty tính đến 31/12/2018 là 6.743 tỷ.
Total liability of the Company as of 31st December 2018 is 6,743 billion VND.
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản là 8,75% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 9,59%. Nợ phải trả chiếm một tỉ trọng không đáng kể so với Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu.
Debt/Total assets ratio is 8.75% and Debt/Total shareholder capital is 9.59%. The liability accounted a trival proportion comparing to Total asset and Shareholder capital.
- Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.
The Company does not have any outstanding debts which impact the exchange rate changes on operating result of the Company, and the cost of borrowing to the Company's results.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý / *Improvements in organizational structure, policies, management.*

- Công ty thường xuyên rà soát lại các quy định, chính sách nội bộ và thực hiện sửa đổi quy định nếu cần thiết để đảm bảo phù hợp hoạt động của Công ty.
The Company often reviews the internal policies, rules and amends rules in case that it is necessary to ensure be suitable for the Company operation.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai / *Development plans in the future*

- Công ty hoạt động kinh doanh với định hướng an toàn, hiệu quả tạo nên sự phát triển bền vững lâu dài.
The Company operates in a safe and effective manner, creates a sustainable and long-term development.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần) / *Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).*

Không có / *None*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty / *Assessment Report related to environmental and social responsibility of the Company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...) / Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).

- Tuy là một Công ty Quản lý quỹ, hoạt động kinh doanh hầu như không có ảnh hưởng đến môi trường nhưng Công ty luôn xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên.
Although the Company is a type of fund management company and the operation business do not have any impact on environment, but the Company always establishes the culture of environmental protection.
- Công ty luôn tuân thủ những quy định về môi trường.
The Company always complies with the regulations of environment.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động / Review concerning the problems of workers

- Công ty luôn cố gắng tạo một môi trường làm việc tốt cho người lao động như đã đề cập ở Mục II, Khoản 5.2 ở trên.
The Company always makes effort to create a good working environment for employees as mentioned in Section II, Article 5.2 above.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương / Review concerning corporate responsibility towards the local community

- Công ty đã có những đóng góp cho cộng đồng như đã đề cập Mục II, Khoản 5.3 ở trên.
The Company had the contributions for community as mentioned in Section II, Article 5.3 above.

IV. Báo cáo tài chính/ Financial statements

1. Ý kiến kiểm toán / Auditor's opinions: Phụ lục 1 / Appendix 1
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán / Audited financial statements: Phụ lục 2 / Appendix 2

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 / ANNUAL REPORT YEAR 2017

PHỤ LỤC 1/APPENDIX 1

Báo cáo Kiểm toán độc lập / Independent Auditors' Report

Số tham chiếu: 61147610/20182023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Tỉnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2071-2018-004-1



Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 / ANNUAL REPORT YEAR 2017

PHỤ LỤC 2/APPENDIX 2

Báo cáo Tài chính được kiểm toán / Audited Financial Statements

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
 Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-CTQ

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		69.320.699.502	27.571.200.867
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	122.272.140	95.280.517
111	1. Tiền		122.272.140	95.280.517
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	56.900.000.000	20.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		56.900.000.000	20.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.308.175.024	6.599.079.940
132	1. Trả trước cho người bán		90.015.000	-
134	2. Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	7	6.528.595.550	5.324.152.172
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	4.689.564.474	1.274.927.768
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		990.252.338	876.840.410
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	990.252.338	876.840.410
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.725.554.451	32.788.643.758
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		606.500.000	590.347.223
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	606.500.000	590.347.223
220	II. Tài sản cố định		2.905.182.553	3.253.716.256
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	578.718.593	507.672.000
222	Nguyên giá		1.118.777.000	846.120.000
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(540.058.407)	(338.448.000)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	2.326.463.960	2.746.044.256
228	Nguyên giá		4.501.858.148	4.054.843.148
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.175.394.188)	(1.308.798.892)
240	III. Xây dựng cơ bản dở dang		3.330.015.737	-
242	1. Xây dựng cơ bản dở dang		3.330.015.737	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	28.200.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	28.200.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		883.856.161	744.580.279
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	651.195.348	696.612.498
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		232.660.813	47.967.781
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		77.046.253.953	60.359.844.625

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-CTQ


VND


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		6.743.439.184	5.040.586.348
310	I. Nợ ngắn hạn		6.308.439.184	4.750.586.348
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		647.766.842	99.510.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.445.406.896	1.270.404.577
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	4.018.016.064	3.075.556.908
319	4. Phải trả ngắn hạn khác		197.249.382	305.114.863
330	I. Nợ dài hạn		435.000.000	290.000.000
359	1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		435.000.000	290.000.000
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		70.302.814.769	55.319.258.277
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu		70.302.814.769	55.319.258.277
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	25.000.000.000	25.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		2.276.218.979	1.527.041.154
419	3. Vốn khác của chủ sở hữu (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)		2.276.218.979	1.527.041.154
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		40.750.376.811	27.265.175.969
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		77.046.253.953	60.359.844.625

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	17	7.846.510.442	2.094.011.835
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		7.846.510.442	2.094.011.835
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	18	144.455.865.174	145.109.053.631
041	Danh mục nhà đầu tư ủy thác trong nước		144.455.865.174	145.109.053.631
050	Các khoản phải thu khác của nhà đầu tư ủy thác	19	524.244.425	717.790.377
051	Các khoản phải trả khác của nhà đầu tư ủy thác	20	7.547.822.100	5.976.628.808


Bà Nguyễn Thị Thủy Linh
Người lập


Bà Nguyễn Thị Thủy Linh
Kế toán trưởng



Ngày 29 tháng 3 năm 2019

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02-CTQ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	21	38.009.169.067	30.318.962.380
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		38.009.169.067	30.318.962.380
20	4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		38.009.169.067	30.318.962.380
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	3.543.914.746	2.746.309.944
22	6. Chi phí từ hoạt động tài chính		-	-
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(22.781.607.759)	(17.405.610.240)
30	8. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		18.771.476.054	15.659.662.084
31	9. Thu nhập khác		-	-
32	10. Chi phí khác		-	-
40	11. Lợi nhuận khác		-	-
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.771.476.054	15.659.662.084
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.2	(3.972.612.594)	(3.217.272.643)
52	14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.3	184.693.032	12.241.987
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.983.556.492	12.454.631.428

hl

hl

Bà Nguyễn Thị Thủy Linh
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thủy Linh
Kế toán trưởng



Ngày 29 tháng 3 năm 2019

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B03-CTQ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		18.771.476.054	15.659.662.084
	<i>Điều chỉnh:</i>			
02	1. Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	11,12	1.068.205.703	1.035.819.296
03	2. Thay đổi các khoản dự phòng		145.000.000	145.000.000
05	3. Doanh thu từ hoạt động đầu tư		(3.543.914.746)	(2.746.309.944)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		16.440.767.011	14.094.171.436
09	1. Tăng các khoản phải thu		(2.584.388.349)	(1.763.520.755)
11	2. Tăng các khoản phải trả		967.116.043	895.189.252
12	3. Tăng chi phí trả trước		(280.364.778)	(219.909.698)
14	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.817.272.643)	(2.701.071.760)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.725.857.284	10.304.858.475
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(3.401.920.895)	-
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(30.200.000.000)	(49.300.000.000)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		21.500.000.000	36.100.000.000
27	4. Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư		1.403.055.234	2.285.287.452
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư		(10.698.865.661)	(10.914.712.548)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		26.991.623	(609.854.073)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		95.280.517	705.134.590
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	122.272.140	95.280.517

hl
Bà Nguyễn Thị Thúy Linh
Người lập

hl
Bà Nguyễn Thị Thúy Linh
Kế toán trưởng



Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
tải ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTQ

VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Thay đổi trong năm				Số dư cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2018	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu phân phối	16	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		16.056.007.683	27.265.175.969	12.454.631.428	(1.245.463.142)	14.983.558.492	(1.498.355.650)	27.265.175.969	40.750.376.811
3. Quỹ dự phòng tài chính		904.309.583	1.527.041.154	622.731.571	-	749.177.825	-	1.527.041.154	2.276.218.979
4. Vốn khác của chủ sở hữu (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)		904.309.583	1.527.041.154	622.731.571	-	749.177.825	-	1.527.041.154	2.276.218.979
		42.864.626.849	55.319.258.277	13.700.094.570	(1.245.463.142)	16.481.812.142	(1.498.355.650)	55.319.258.277	70.302.814.769



Handwritten signature

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

1. CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép số 53/GP-UBCK ngày 10 tháng 2 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 7 năm 2015 và Giấy phép điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK cấp ngày 11 tháng 7 năm 2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty bắt đầu hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("DLVN"), là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, và danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 11, số 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 16 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 14 người).

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định báo cáo tài chính đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ ("Thông tư 125").

3.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 125 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.3 Cơ sở hoạt động liên tục

Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và nhận thấy Công ty có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký sổ cái.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao với thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 228. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm

4.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phi quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Theo Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính ("Thông tư 212") và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ("Thông tư 146") ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư. Công ty đang thực hiện trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo chính sách nội bộ tại phê duyệt số IC/2017/015 ngày 29 tháng 12 năm 2017.

4.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Thuế (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi thanh toán		
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	84.707.093	84.613.572
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	37.565.047	10.666.945
	122.272.140	95.280.517

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đây là các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần trong nước bằng đồng Việt Nam có thời gian đáo hạn còn lại không quá một (1) năm với mức lãi suất từ 6,4%/năm đến 7,0%/năm.

7. PHẢI THU TỪ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu phí quản lý danh mục từ DLVN (Thuyết minh số 25)	6.528.595.550	5.313.998.852
Phải thu phí quản lý quỹ thành viên (Thuyết minh số 25)	-	10.153.320
	6.528.595.550	5.324.152.172

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi phải thu	3.835.059.503	1.108.852.768
Ứng trước tiền lương cho người lao động (*)	846.000.000	143.125.000
Cầm cố, ký cược và phải thu ngắn hạn khác	8.504.971	22.950.000
	<u>4.689.564.474</u>	<u>1.274.927.768</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản ứng trước tiền lương cho người lao động có kỳ hạn còn lại không quá một (1) năm, trong đó các khoản ứng trước có kỳ hạn còn lại dưới ba (3) tháng là 211.500.000 đồng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	876.840.410	475.097.875
Tăng trong năm	2.882.753.351	2.066.896.373
Phân bổ trong năm	(2.769.341.423)	(1.664.953.838)
Số cuối năm	<u>990.252.338</u>	<u>876.840.410</u>

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi phải thu	-	585.347.223
Ứng trước tiền lương cho người lao động	601.500.000	-
Cầm cố, ký cược dài hạn	5.000.000	5.000.000
	<u>606.500.000</u>	<u>590.347.223</u>

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

			VND
	<i>Chi phí xây dựng văn phòng</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	846.120.000	846.120.000
Mua mới	228.519.500	44.137.500	272.657.000
Số cuối năm	228.519.500	890.257.500	1.118.777.000
Trong đó: Đã khấu hao hết	-	-	-
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	-	338.448.000	338.448.000
Khấu hao trong năm	23.804.115	177.806.292	201.610.407
Số cuối năm	23.804.115	516.254.292	540.058.407
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	507.672.000	507.672.000
Số cuối năm	204.715.385	374.003.208	578.718.593

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm	4.054.843.148
Mua mới	447.015.000
Số cuối năm	4.501.858.148
Trong đó: Đã khấu hao hết	417.200.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	1.308.798.892
Hao mòn trong năm	866.595.296
Số cuối năm	2.175.394.188
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	2.746.044.256
Số cuối năm	2.326.463.960

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

809-CTQ

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	696.612.498	719.160.335
Tăng trong năm	309.452.467	238.854.313
Phân bổ trong năm	(354.869.617)	(261.402.150)
Số cuối kỳ	651.195.348	696.612.498

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Biến động trong năm		Số cuối năm
		Tăng	Giảm	
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.2)	1.217.272.644	3.972.612.594	(3.817.272.643)	1.372.612.595
Thuế thu nhập cá nhân	53.131.933	1.743.783.152	(1.724.120.784)	72.794.301
Thuế khác	-	382.742.378	(382.742.378)	-
	1.270.404.577	6.099.138.124	(5.924.135.805)	1.445.406.896

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho nhân viên	3.289.712.000	2.835.716.000
Chi phí khác	726.304.064	239.838.908
	4.016.016.064	3.075.556.908

16. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Giấy phép số 53/GP-UBCK (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn pháp định đã góp (VND)
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (DLVN)	25.000.000.000	100	25.000.000.000

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác là DLVN				
Ngân hàng HSBC Việt Nam	2.094.011.835	305.607.682.717	(299.855.184.110)	7.846.510.442
	2.094.011.835	305.607.682.717	(299.855.184.110)	7.846.510.442

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Danh mục đầu tư ủy thác của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Cổ phiếu niêm yết	80.883.000.374	70.436.188.831
<i>Trong đó:</i>		
<i>Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá (*)</i>	53.735.996.761	1.560.271.877
Trái phiếu chính phủ	36.692.864.800	36.692.864.800
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	26.100.000.000	35.780.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	800.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu	-	2.200.000.000
	144.455.865.174	145.109.053.631

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(*) Danh sách cổ phiếu niêm yết bị giảm giá như dưới đây:

		VND
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	1.880.080.063	1.716.800.000
Công ty Cổ phần nhựa Bình Minh	957.201.652	841.600.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	900.305.745	752.700.000
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	519.108.405	395.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	478.300.338	468.100.000
Công ty Cổ phần Cao Su Đà Nẵng	945.554.447	838.500.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	566.598.625	562.000.000
Công ty Cổ phần FPT	2.081.285.698	1.772.400.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	5.153.983.831	4.936.200.000
Công ty Cổ phần Gemadept	836.085.809	810.650.000
Công ty cổ phần GTNFOODS	208.612.450	195.700.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	462.216.286	454.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	484.475.625	448.500.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	940.583.763	896.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	2.050.600.717	1.949.850.000
Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1	454.681.000	409.500.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	2.292.834.996	2.063.256.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	189.608	154.800
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	1.534.648.709	1.476.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	104.038.380	84.150.000
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1.798.351.698	1.431.000.000
Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận	1.028.573.769	932.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí	664.845.775	569.400.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí	177.856.585	157.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	1.783.479.458	1.663.200.000
Công ty Cổ phần chứng khoán SSI	450.274.400	426.400.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	1.102.730.049	1.051.600.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - Techcombank	3.335.645.975	2.714.250.000
Công ty Cổ phần VICOSTONE	1.151.859.858	845.000.000
Công ty cổ phần Vinhomes	8.553.561.293	7.376.700.000
Công ty cổ phần Hàng không VIETJET	1.582.158.458	1.476.000.000
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	6.244.405.311	6.240.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam thịnh vượng	1.613.652.541	1.476.379.800
Công ty Cổ phần Vincom Retail	1.397.215.448	1.199.305.000
	53.735.996.761	48.628.795.600

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(*) Danh sách cổ phiếu niêm yết bị giảm giá như dưới đây (tiếp theo):

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Giá trị ghi sổ	VND
		Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Thành Thành Công- Biên Hòa	8.711.031	5.616.000
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sóng Đà	132.823.312	126.420.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	983.885.868	963.814.250
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	191.036.125	186.550.000
Công ty cổ phần Container Việt Nam	8.636.572	7.740.000
Công ty cổ phần Pin Ác quy Miền Nam	201.181.320	194.200.000
Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	33.997.649	29.656.200
	1.560.271.877	1.513.996.450

19. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu khác từ nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Phải thu cổ tức	181.709.000	137.580.000
Phải thu bán cổ phiếu	342.535.425	580.210.377
	524.244.425	717.790.377

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả khác của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam	6.528.595.550	5.313.998.852
Phải trả mua cổ phiếu	1.019.226.550	662.629.956
	7.547.822.100	5.976.628.808

21. DOANH THU

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí quản lý danh mục từ DLVN (Thuyết minh số 25)	38.009.169.067	29.409.389.268
Phí quản lý quỹ thành viên (Thuyết minh số 25)	-	909.573.112
	38.009.169.067	30.318.962.380

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu từ hoạt động tài chính là khoản tiền lãi từ tiền gửi tại các ngân hàng.

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các chi phí theo lương	13.990.289.840	10.804.345.857
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	4.115.281.903	3.229.762.978
Công cụ dụng cụ & văn phòng phẩm	2.777.473.974	1.657.616.046
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 11, 12)	1.068.205.703	1.035.819.295
Chi phí công tác	573.851.179	468.134.143
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	145.000.000	145.000.000
Thuế và phí khác	25.000.000	8.000.000
Chi phí khác	86.505.160	56.931.920
	22.781.607.759	17.405.610.240

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.972.612.594	3.217.272.843
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(184.693.032)	(12.241.987)
	3.787.919.562	3.205.030.856

24.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận trước thuế TNDN	18.771.476.054	15.659.662.084
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	3.754.295.212	3.131.932.416
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ khác	91.624.351	15.098.240
Thay đổi trong chi phí trích trước	97.693.031	12.241.987
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	29.000.000	58.000.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.972.612.594	3.217.272.643

24.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau :

	VND			
	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Cuối năm	Đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	87.000.000	-	87.000.000	-
Chi phí trích trước	145.660.813	47.967.781	97.693.032	12.241.987
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			184.693.032	12.241.987

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
DLVN (<i>Thuyết minh số 21</i>)	Công ty mẹ	Phí quản lý quỹ	38.009.169.067	29.409.389.268
Quỹ Đầu tư cổ phiếu Dai-ichi Life Việt Nam (<i>Thuyết minh số 21</i>)	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	-	909.573.112

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay Phải thu/ (Phải trả)</i>	<i>Năm trước Phải thu/ (Phải trả)</i>
DLVN (<i>Thuyết minh số 7</i>)	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý quỹ	6.528.595.550	5.313.998.852
Quỹ Đầu tư cổ phiếu Dai-ichi Life Việt Nam (<i>Thuyết minh số 7</i>)	Quỹ do Công ty quản lý	Phải thu phí quản lý quỹ	-	10.153.320
			6.528.595.550	5.324.152.172

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	570.084.000	432.480.000
Từ 1 đến 5 năm	1.591.484.500	1.639.820.000
	2.161.568.500	2.072.300.000

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nội trên như sau.

27.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng. Việc phân lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng đồng Việt Nam đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ.

27.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 3 tháng	Từ 3 tháng đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	VND Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2018					
Tài sản tài chính					
Tiền và tương đương tiền	122.272.140	-	-	-	122.272.140
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	42.900.000.000	14.000.000.000	-	56.900.000.000
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	6.528.595.550	-	-	6.528.595.550
Phải thu ngắn hạn khác	-	3.713.069.949	976.494.525	-	4.689.564.474
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	606.500.000	606.500.000
	122.272.140	53.141.665.499	14.976.494.525	606.500.000	68.846.932.164
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	728.304.064	-	728.304.064
Phải trả người bán ngắn hạn	-	647.766.842	-	-	647.766.842
Quỹ dự phòng bồi thường	-	-	-	435.000.000	435.000.000
Thiệt hại cho nhà đầu tư	-	197.249.382	-	-	197.249.382
Phải trả ngắn hạn khác	-	845.016.224	-	-	845.016.224
	122.272.140	52.296.649.275	14.248.190.461	171.500.000	66.838.611.876
Chênh lệch thanh khoản ròng					
					2.008.320.288

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 3 tháng	Từ 3 tháng đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2017					VND
Tài sản tài chính	95.280.517	-	-	-	95.280.517
Tiền và tương đương tiền	-	-	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	16.000.000.000	4.000.000.000	28.200.000.000	48.200.000.000
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	5.324.152.172	-	-	5.324.152.172
Phải thu ngắn hạn khác	-	1.099.144.438	175.783.330	-	1.274.927.768
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	590.347.223	590.347.223
	95.280.517	22.423.296.610	4.175.783.330	28.790.347.223	55.484.707.680
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	239.838.908	-	239.838.908
Phải trả người bán ngắn hạn	-	99.510.000	-	-	99.510.000
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	-	-	-	290.000.000	290.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	-	305.114.863	-	-	305.114.863
	-	404.624.863	239.838.908	290.000.000	934.463.771
Chênh lệch thanh khoản ròng	95.280.517	22.018.671.747	3.935.944.422	28.500.347.223	54.550.243.909

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm				
Tài sản tài chính								
Tiền và tương đương tiền	122.272.140	95.280.517	122.272.140	122.272.140			95.280.517	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	56.900.000.000	48.200.000.000	56.900.000.000	56.900.000.000			48.200.000.000	
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	6.528.595.550	5.324.152.172	6.528.595.550	6.528.595.550			5.324.152.172	
Phải thu ngắn hạn khác	4.689.564.474	1.274.927.768	4.689.564.474	4.689.564.474			1.274.927.768	
Phải thu dài hạn khác	606.500.000	590.347.223	606.500.000	606.500.000			590.347.223	
	68.846.932.164	55.484.707.680	68.846.932.164	68.846.932.164			55.484.707.680	
Nợ phải trả tài chính								
Chi phí phải trả ngắn hạn	728.304.064	239.838.908	728.304.064	728.304.064			239.838.908	
Phải trả người bán ngắn hạn	647.766.842	99.510.000	647.766.842	647.766.842			99.510.000	
Phải trả ngắn hạn khác	197.249.382	305.114.863	197.249.382	197.249.382			305.114.863	
Quỹ dự phòng bổ thường thiệt hại cho nhà đầu tư	435.000.000	290.000.000	435.000.000	435.000.000			290.000.000	
	2.008.320.288	934.463.771	2.008.320.288	2.008.320.288			934.463.771	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu ngắn hạn khác, chi phí phải trả ngắn hạn và khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
Một Thành Viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh Ông Trần Châu Danh
Kế toán trưởng Hàng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

